TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 116/2024/DS-ST Ngày: 14-8-2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Phước.
Ông Nguyễn Văn Ba.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2024/TLST–DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 771/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1958.
Địa chỉ: I, đường Số E, Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn:*
+ Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1978.
+ Ông Vũ Văn D, sinh năm 1973.
Nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.
Cùng địa chỉ: B, Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Ông T có mặt, bà T1, ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông và vợ chồng ông Vũ Văn D, bà Hoàng Thị T1 có quen biết ở địa phương. Trước đây, ông có cho vợ chồng ông D, bà T1 vay nhiều lần tiền. Đến ngày 12/02/2018, vợ chồng ông D, bà T1 viết Giấy mượn tiền viết tay ngày 12/02/2018 xác nhận vay của ông số tiền 159.000.000 đồng, không tính lãi, thoả thuận ngày 10/4/2018 sẽ trả đủ số tiền.

Sau đó, bà T1, ông D trả cho ông 03 lần tiền vào các ngày 15/12/2018 trả 7.000.000 đồng, ngày 25/12/2019 trả 4.000.000 đồng và ngày 25/12/2020 trả 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 13.000.000 đồng.

Ngày 25/12/2021, bà T1 có viết giấy xác nhận còn nợ ông 146.000.000 đồng và hẹn đến ngày 25/3/2022 sẽ trả cho ông từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng mỗi tháng nhưng bà T1, ông D đã không trả cho ông như đã hẹn. Vì vậy, ông đã khởi kiện bà T1, ông D tại Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 16/5/2022, Toà án đã triệu tập bà T1, ông D đến làm việc. Tại Tòa án, bà T1, ông D đã viết giấy cam kết trả nợ cho ông tổng số tiền là 140.000.000 đồng, cụ thể sẽ trả 4.000.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng cho ông, từ tháng 01/2023 sẽ trả cho ông 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ tuy nhiên, Toà án không lập biên bản làm việc mà tự ông và vợ chồng bà T1, ông D viết giấy xác nhận cho nhau.

Sau đó, vợ chồng bà T1, ông D có trả cho ông được nhiều lần tiền tổng là 31.000.000 đồng nhưng giữa ông và ông D, bà T1 chỉ ký giao nhận được khoảng 01-02 lần vào sổ do ông giao cho ông Duy g, những lần giao nhận tiền sau thì không ký giao nhận. Từ tháng 7/2023, vợ chồng bà T1, ông D không trả cho ông bất kỳ khoản tiền nào. Hiện nay, bà T1, ông D còn nợ ông số tiền là 109.000.000 đồng.

Ông xác định số tiền cho ông D, bà T1 vay là tài sản riêng của ông, không liên quan đến vợ ông bà Vũ Thị Tuyết M.

Nay ông yêu cầu bà T1, ông D trả cho ông số tiền còn nợ là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn bà Hoàng Thị T1, ông Vũ Văn D được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, buộc bị đơn bà Hoàng Thị T1, ông Vũ Văn D phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền nợ gốc 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn D, bà Hoàng Thị T1 thanh toán số tiền vay gốc là 109.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Do đó, Tòa

án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Vũ Văn D, bà Hoàng Thị T1 đăng ký thường trú tại: Thôn K, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình và hiện đang sinh sống tạm trú tại: B31, Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Vũ Văn D và bà Hoàng Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà T1.

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T:*

[4] Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T đã nộp cho Tòa án: Giấy mượn tiền ngày 12/02/2018, Giấy xác nhận trả tiền vay ngày 25/12/2021 và Giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ ngày 16/5/2022 (tất cả là bản chính viết tay) làm căn cứ giải quyết vụ án.

[5] Xét Giấy mượn tiền viết tay ngày 12/02/2018 được lập thành văn bản, có chữ ký, chữ viết ghi họ tên của ông Vũ Văn D, bà Hoàng Thị T1, mặc dù không có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Hữu T nhưng có nội dung xác nhận ông D, bà T1 vay của ông T số tiền 159.000.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu đồng), thời hạn trả là ngày 10/4/2018, không tính lãi. Nguyên đơn ông T cho rằng do quen biết ở địa phương nên ông có cho vợ chồng ông D, bà T1 vay nhiều lần tiền, đến ngày 12/02/2018, vợ chồng ông D, bà T1 xác nhận có vay của ông T số tiền 159.000.000 đồng, không tính lãi, thoả thuận ngày 10/4/2018 sẽ trả lại đủ số tiền. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần cho ông D, bà T1 đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông D, bà T1 không chấp hành, không có ý kiến trình bày, không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa ông Vũ Văn D và bà Hoàng Thị T1 với ông Nguyễn Hữu T có giao dịch vay tài sản, cụ thể ông D, bà T1 vay của ông T số tiền 159.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền viết tay ngày 12/02/2018 như ông T trình bày và giao dịch vay tài sản này phù hợp với quy định tại Điều 117, 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét Giấy xác nhận trả tiền vay viết tay ngày 25/12/2021 được lập thành văn bản, có chữ ký, chữ viết họ tên của bà Hoàng Thị T1, vẫn không có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Hữu T nhưng có nội dung xác nhận bà T1 vay của ông T, xác nhận số tiền đã trả ngày 15/12/2018 là *"7000.000"*, ngày 25/12/2019 là *"4000.000"*, ngày 25/12/2020 là *"2000"*, hẹn ngày 25/3/2022 sẽ trả cho ông T hàng tháng *"2 triệu, 3 triệu"* phù hợp với lời trình bày của ông T xác nhận bà T1, ông D đã trả cho ông T 03 lần tiền vào các ngày 15/12/2018 trả 7.000.000 đồng, ngày 25/12/2019 trả 4.000.000 đồng và ngày 25/12/2020 trả 2.000.000 đồng, tổng cộng là 13.000.000 đồng.

Xét Giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ viết tay ngày 16/5/2022 được lập thành văn bản, có chữ ký, chữ viết họ tên của bà Hoàng Thị T1, ông Vũ Văn D, vẫn không có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Hữu T nhưng có nội dung bà T1, ông D xác nhận còn nợ

ông T 146.000.000 đồng, ông T chỉ yêu cầu trả 140.000.000 đồng, cam kết ngày 25 hàng tháng trả cho ông T 4.000.000 đồng, từ tháng 01/2023 trả 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Nguyên đơn ông T trình bày sau khi ông D, bà T1 viết Giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ viết tay ngày 16/5/2022 thì ông D, bà T1 có trả cho ông T được nhiều lần tiền tổng là 31.000.000 đồng, từ tháng 7/2023, ông D, bà T1 không trả cho ông T bất kỳ khoản tiền nào và còn nợ ông T số tiền là 109.000.000 đồng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần cho ông D, bà T1 đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông D, bà T1 không chấp hành, không có ý kiến trình bày, không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp.

Như vậy, ông D, bà T1 đã thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông T từ tháng 7/2023 và còn nợ lại ông T số tiền vay gốc 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng) chưa trả như ông T trình bày là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T đối với bị đơn ông Vũ Văn D, bà Hoàng Thị T1.

Buộc ông Vũ Văn D và bà Hoàng Thị T1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền vay gốc là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng).

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T được chấp nhận, ông Vũ Văn D, bà Hoàng Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền 109.000.000 đồng nên ông D, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 109.000.000 đồng x 5% = 5.450.000 đồng.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 150, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 351, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T đối với bị đơn ông Vũ Văn D và bà Hoàng Thị T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Vũ Văn D, bà Hoàng Thị T1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền vay gốc còn nợ theo Giấy mượn tiền viết tay ngày 12/02/2018 là **109.000.000 đồng** (một trăm lẻ chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn D, bà Hoàng Thị T1 phải chịu 5.450.000 đồng (năm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Văn D và bà Hoàng Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Hoàng